TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2019/QĐST-DS	Mỹ Tho, ngày 06 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:134/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Anh T** – thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T.

* *Bị đơn*: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà **Dương Mỹ L**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1955;
2. Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1984;
3. Ông **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm: 1988;
4. Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1992;
5. Ông **Phan Khắc X**, sinh năm: 1987;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Phan Khắc X: Bà Dương Mỹ L, sinh năm: 1988; ;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông **Võ Minh T**, sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bà Dương Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Tất Đ, Nguyễn Thị Kim N, Phan Khắc X. Nội dung sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 950m^2 thuộc thửa đất số 835, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế là 2791,8m^2 tại ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01343/QSDĐ/LA do Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/6/1998 cho bà Nguyễn Thị H đứng tên, vị trí đất có tứ cận như sau:

Bắc giáp: Lưu Võ Hoàng N 19,60m; Võ Minh T 40,69m, 34,59m.

Nam giáp: Nguyễn Thị H 93,78m.

Tây giáp: Kênh 10,00m.

Đông giáp: Lê Thị K 2,11m; Võ Văn N 7,44m.

(có sơ đồ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai

* Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp và thu thập chứng cứ là 11.638.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu một nữa với số tiền là 5.819.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã đóng tạm ứng số tiền 11.638.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 5.819.000 đồng (*năm triệu tám trăm mười chín ngàn đồng*). Thực hiện khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

* Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do đó, bà Nguyễn Thị N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014101 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp M;
- CCTHADS TP M
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng